TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **296/2026**/QĐST-HNGĐ	*Khánh Hòa, ngày 19 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 257/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026 giữa:

* Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1975; Số CCCD: 056175002129;

Nơi thường trú: C Đồng Nai, phường N, tỉnh Khánh Hòa.

* Bị đơn: Ông Trần Phúc H – sinh năm 1970; Số CCCD: 056070002070;

Nơi thường trú: C Đồng Nai, phường N, tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành 11 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị T và ông Trần Phúc H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Phúc Anh T1, sinh ngày 05/01/2011 cho bà Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông Trần Phúc H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng) mỗi tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Riêng cháu Trần Phúc Anh K, sinh ngày 27/3/2002 hiện đã trưởng thành khỏe mạnh nên không yêu cầu gì.

Ông Trần Phúc H được quyền thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở; đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà Lê Thị T và ông Trần Phúc H có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị T và ông Trần Phúc H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Lê Thị T tự nguyện nộp án phí HNGĐST và án phí DSST. Như vậy, bà T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002193 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quy định chung: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 1 – Khánh Hòa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa ;
- UBND phường Nam Nha Trang (ĐKKH số 114 ngày 13/9/2001, quyển số 01);
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Liên